

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân xã quyết định)

(Kèm theo Quyết định số 763/QĐ-UBND ngày 31/ 12/2025 của Ủy ban nhân dân xã Chiến Thắng)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	142.500	TỔNG SỐ CHI	142.500
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	1.717	I. Chi đầu tư phát triển	1.987
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ⁽¹⁾		II. Chi thường xuyên	136.461
III. Thu bổ sung	140.783	III. Dự phòng	2.819
- Bổ sung cân đối	139.187	IV. Nguồn tiết kiệm 10% để CCTL	1.233
- Bổ sung thực hiện CT MTQG và một số chương trình, dự án, nhiệm vụ khác	1.596		
IV. Thu chuyển nguồn			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân xã quyết định)

(Kèm theo Quyết định số 763/QĐ-UBND ngày 31/ 12/2025 của Ủy ban nhân dân xã Chiến Thắng)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	3	4
	TỔNG THU	142.583	142.500
I	Các khoản thu 100%	160	110
1	Phí, lệ phí	40	40
2	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	-	
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định	-	
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định	-	
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân	-	
8	Thu khác	120	70
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	1.640	1.607
1	Các khoản thu phân chia		
2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	223	190
3	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
4	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	-	
5	Thuế GTGT, TNDN	300	300
6	Thuế thu nhập cá nhân	217	217
7	Lệ phí trước bạ nhà, đất	900	900
8	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)	-	
IV	Thu chuyển nguồn		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	-	
VII	Nguồn CCTL dùng để cân đối chi tăng lương		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	140.783	140.783
	- Thu bổ sung cân đối	139.187	139.187
	- Thu Bổ sung thực hiện CTMTQG	1.596	1.596

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân xã quyết định)

(Kèm theo Quyết định số 763/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân xã Chiến Thắng)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	142.500	1.987	140.513
	Trong đó	142.500	1.987	140.513
1	Chi giáo dục	88.089		88.089
2	Chi văn hóa, thông tin	542		542
3	Chi thể dục thể thao	230		230
4	Chi sự nghiệp y tế	5.398		5.398
5	Chi các hoạt động kinh tế (giao thông)	2.604		2.604
6	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	23.821		23.821
8	Chi cho công tác xã hội	5.477		5.477
9	An ninh trật tự an toàn xã hội	173		173
10	Ban quân sự xã	1.324		1.324
11	Thực hiện các nhiệm vụ, chế độ, chính sách	7.757		7.757
12	Chi khác ngân sách	683		683
13	Chi thực hiện các CTMTQG và một số chương trình, dự án, nhiệm vụ khác	1.596		1.596
14	Tiết kiệm chi 10% thực hiện CCTL	1.233		1.233
15	Dự phòng ngân sách	2.819		2.819

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2026
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân xã quyết định)
(Kèm theo Quyết định số 763/QĐ-UBND ngày 31/ 12/2025 của Ủy ban nhân dân xã Chiến Thắng)

Đ

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2026		
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo r Nguồn cân đối ngân sách
TỔNG SỐ		8.400,0	-	-	1.672,0	1.987,0	800,0	1.987,0
Vốn cân đối NSDP (theo tiêu chí, định mức NQ 16/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh)		7.100	-	-	1.672	1.800	800	1.800
1. Công trình chuyển tiếp		4.400	0	0	1.672	800	800	800
Trong đó: Hoàn thành trong năm		4.400	0	0	1.672	800	800	800
Bê tông hóa tuyến đường Liên Sơn, xã Chiến Thắng	2025	2.200			872	400	400	400
Bê tông tuyến đường Hồng Tân, xã Chiến Thắng	2025	2.200			800	400	400	400
2. Công trình khởi công mới		2.700	-	-	-	1.000	-	1.000
Hỗ trợ xi măng làm đường giao thông nông thôn	2026	500				400		400
Bê tông tuyến đường Cô Hiền - Bán Thí	2026	2200				600		600
NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT		1.300,0	0,0	0,0	0,0	187,0	0,0	187,0
2. Công trình khởi công mới		1.300,0	0,0	0,0	0,0	187,0	0,0	187,0

Cầu Nà Pát - Nà Nhì	2026	1.300,0				187,0		187,0

Đơn vị: Đồng

[illegible]

